

**BÁO CÁO
KHẢ NĂNG THANH TOÁN**

Tên doanh nghiệp bảo hiểm: Tổng Công ty Cổ phần Tái bảo hiểm Quốc gia Việt Nam
Báo cáo từ ngày 01/01/2025 đến 31/12/2025

Đơn vị: triệu đồng

Chi tiêu	Giá trị hạch toán	Tỷ lệ loại trừ	Giá trị loại trừ tính biên khả năng thanh toán
1. Chênh lệch giữa giá trị tài sản và các khoản nợ phải trả	3,883,708.94		
2. Các tài sản được chấp nhận toàn bộ giá trị hạch toán	5,117,566.01		-
a/ Các khoản tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi tại các tổ chức tín dụng, chứng chỉ tiền gửi, tiền đang chuyển, Trái phiếu chính phủ, tín phiếu kho bạc, trái phiếu kho bạc, công trái xây dựng tổ quốc, trái phiếu chính quyền địa phương và trái phiếu được chính phủ bảo lãnh.	3,361,677.06	0%	-
b/ Tài sản tái bảo hiểm (trừ tài sản tái bảo hiểm tương ứng với dự phòng bồi thường nhượng tái bảo hiểm của các hợp đồng nhượng tái bảo hiểm không tuân thủ qui định của pháp luật về nhượng tái bảo hiểm)	1,755,888.95	0%	-
3. Các tài sản bị loại trừ một phần giá trị hạch toán sau khi trừ đi các khoản trích lập dự phòng tương ứng và giá trị hao mòn lũy kế (nếu có) theo qui định của pháp luật.	3,103,414.16		313,622.34
a/ Các tài sản đầu tư (Trừ các khoản đầu tư qui định tại điểm g, khoản 4 Mẫu này)	2,318,338.18		152,380.15
+ Trái phiếu doanh nghiệp có đảm bảo	-	1%	-
+ Trái phiếu doanh nghiệp không có đảm bảo	1,729,108.71	3%	51,873.26
+ Cổ phiếu được niêm yết, chứng chỉ quỹ (*)	342,103.75	15%	51,315.56
+ Cổ phiếu không được niêm yết	-	20%	-
+ Đầu tư vào bất động sản do chính doanh nghiệp sử dụng	1,948.50	8%	155.88
+ Đầu tư vào bất động sản để cho thuê	-	15%	-
+ Vốn góp vào các doanh nghiệp khác (trừ vốn góp để thành lập doanh nghiệp bảo hiểm từ nguồn vốn chủ sở hữu)	245,177.23	20%	49,035.45
b/ Các khoản phải thu	237,199.87		77,510.91
+ Phải thu TBH quá hạn từ 90 ngày đến dưới 01 năm (sau khi bù trừ các khoản phải thu, phải trả của cùng một nhà tái bảo hiểm trong cùng kỳ đối chiếu). Trường hợp kết quả bù trừ giữa các khoản phải thu và phải trả âm: Loại trừ 0%	205,445.14	30%	61,633.54
+ Phải thu TBH quá hạn từ 01 năm đến dưới 02 năm (sau khi bù trừ các khoản phải thu, phải trả của cùng một nhà tái bảo hiểm trong cùng kỳ đối chiếu). Trường hợp kết quả bù trừ giữa các khoản phải thu và phải trả âm: Loại trừ 0%	31,754.73	50%	15,877.36
c/ Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình là phần mềm máy tính, quyền sử dụng đất và hàng tồn kho	15,498.72	25%	3,874.68
d/ Tài sản khác	532,377.38	15%	79,856.61
4. Các tài sản bị loại trừ toàn bộ giá trị hạch toán	1,077,013.83	100%	1,077,013.83
a/ Các khoản vốn góp để thành lập doanh nghiệp bảo hiểm khác từ nguồn vốn chủ sở hữu	243,016.00	100%	243,016.00
b/ Các khoản nợ không có khả năng thu hồi theo qui định của pháp luật	-	100%	-
c/ Tài sản cố định vô hình trừ phần mềm máy tính, quyền sử dụng đất	-	100%	-
d/ Chi phí trả trước, các khoản tạm ứng, trang thiết bị, đồ dùng văn phòng, các khoản phải thu nội bộ	779,769.23	100%	779,769.23
đ/ Phải thu liên quan đến hoạt động nhận, nhượng TBH (sau khi bù trừ các khoản phải thu, phải trả của cùng một tổ chức nhượng, nhận TBH trong cùng kỳ đối chiếu) quá hạn từ 02 năm trở lên.	54,228.60	100%	54,228.60
g/ Các khoản đầu tư trở lại cho các cổ đông (thành viên) góp vốn/người có liên quan theo qui định của Luật Doanh nghiệp, trừ tiền gửi tại các tổ chức tín dụng.	-	100%	-

b/ Các khoản nợ không có khả năng thu hồi theo qui định của pháp luật	-	100%	-
c/ Tài sản cố định vô hình trừ phần mềm máy tính, quyền sử dụng đất	-	100%	-
d/ Chi phí trả trước, các khoản tạm ứng, trang thiết bị, đồ dùng văn phòng, các khoản phải thu nội bộ	779,769.23	100%	779,769.23
đ/ Phải thu liên quan đến hoạt động nhận, nhượng TBH (sau khi bù trừ các khoản phải thu, phải trả của cùng một tổ chức nhượng, nhận TBH trong cùng kỳ đối chiếu) quá hạn từ 02 năm trở lên.	54,228.60	100%	54,228.60
g/ Các khoản đầu tư trở lại cho các cổ đông (thành viên) góp vốn/người có liên quan theo qui định của Luật Doanh nghiệp, trừ tiền gửi tại các tổ chức tín dụng.	-	100%	-
h/ Các khoản đầu tư gián tiếp ra nước ngoài chưa thu hồi được trong vòng 1 năm kể từ khi Quyết định thu hồi giấy chứng nhận đăng ký đầu tư gián tiếp ra nước ngoài có hiệu lực;	-	100%	-
i/ Các khoản đầu tư vào các tài sản vượt quá hạn mức quy định của pháp luật	-	100%	-
k/ Tài sản tái bảo hiểm tương ứng với dự phòng bồi thường nhượng tái bảo hiểm của các hợp đồng nhượng tái bảo hiểm không tuân thủ quy định của pháp luật về nhượng tái bảo hiểm.	-	100%	-
5. Biên khả năng thanh toán của doanh nghiệp	2,493,072.76		
6. Biên khả năng thanh toán tối thiểu	531,473.53		
+ 25% tổng phí nhận tái bảo hiểm thực giữ lại tại thời điểm tính biên khả năng thanh toán	531,473.53		
+ 12.5% của tổng phí nhận tái bảo hiểm tại thời điểm tính biên khả năng thanh toán	457,523.06		
7. So sánh 5 và 6	1,961,599.23		
- Theo số tuyệt đối			
- Theo tỷ lệ %	469.09		

Ghi chú: (*) Bao gồm ủy thác đầu tư cổ phiếu niêm yết qua các công ty quản lý quỹ

Chúng tôi xin đảm bảo thông tin trên là đúng sự thực.

Hà Nội, ngày tháng năm 2026

Người lập biểu


Nguyễn Thành Công

Chuyên gia tính toán


Nguyễn Quốc Huy

Người đại diện theo pháp luật


Mai Xuân Dũng

